

## TƯ TƯỞNG NHO GIÁO VÀ ĐẠO LÝ DÂN TỘC QUA ĐỀ TÀI TRIẾT LÝ NHÂN SINH, RĂN DẠY ĐẠO LÝ TRONG THƠ NÔM ĐƯỜNG LUẬT THẾ KỶ XV

TRẦN QUANG DŨNG\*, LÊ THỊ NƯƠNG\*\*

### TÓM TẮT

Đề tài chủ đề triết lý nhân sinh, răn dạy đạo lý chiếm vị trí nổi bật trong thơ Nôm Đường luật thế kỷ XV, đặc biệt là ở Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi. Hội tụ ở đề tài này là những yếu tố tích cực thuộc phạm trù mỹ đức của hệ tư tưởng Nho giáo, của đạo lý truyền thống dân tộc, của tinh hoa thời đại và tình cảm của nhân dân. Đây là một đề tài có tác dụng trong việc bồi dưỡng và xây dựng nhân cách con người Việt Nam.

### ABSTRACT

*Confucianism thoughts and national morality through the theme of life philosophy, moral teaching of Tang prosody Nom poetry in the 15<sup>th</sup> century*

The theme of life philosophy, moral teachings took up in Tang prosody Nom poetry in the 15<sup>th</sup> century, especially in "Quoc am Thi tap" by Nguyen Trai. Focusing on this theme are the positive elements of the virtuous categories of Confucianism ideology, of the traditional morality, of the quintessence of the era and the people's feelings. This theme influences cultivating and building Vietnam people's personality.

### 1. Đặt vấn đề

Thơ Nôm Đường luật (TNĐL) thế kỷ XV xuất hiện đồng thời hai cột mốc ở vị trí hàng đầu là Quốc âm thi tập (QÂTT) và Hồng Đức quốc âm thi tập (HĐQÂTT). Nhìn trên phương diện đề tài chủ đề, TNĐL thế kỷ này đã đề cập đến nhiều khía cạnh của hiện thực đời sống: từ thiên nhiên, phong vật đến cảm quan lịch sử; từ những phạm trù mỹ đức của hệ tư tưởng Nho giáo đến cuộc sống, xã hội và con người nơi thôn dã; từ hình ảnh của "minh quân lương tướng" đến những người dân quê "ngư tiều canh mục";

từ tiếng nói cộng đồng, quan phương, thù phụng đến những uẩn ức, tâm sự của con người cá nhân nhà thơ trước thế sự, nhân tình...

Xét riêng về đề tài triết lý, giáo huấn trong TNĐL thế kỷ XV, chúng ta dễ nhận thấy: đề tài này có cơ sở từ ý thức hệ Nho giáo, từ truyền thống dân tộc Việt Nam, từ hiện thực xã hội và tư tưởng thời đại. Khó có thể tách bạch một cách chính xác những phạm trù kể trên trong nội dung triết lý, giáo huấn ở QÂTT và HĐQÂTT.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Khảo sát, thống kê

Theo số liệu thống kê, trong QÂTT số lượng bài thơ viết về đề tài, chủ đề triết lý nhân sinh, răn dạy đạo lý là 104 bài /254 bài của tập thơ, chiếm tỷ lệ

\* TS, Khoa Khoa học Xã hội  
Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa  
\*\* ThS, Khoa Khoa học Xã hội  
Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

41,1%. Tỷ lệ này trong HDQATT là 18 bài /328 bài của tập thơ, chiếm tỷ lệ 5%.

Như vậy, đề tài, chủ đề triết lý, giáo huấn có vị trí quan trọng trong QATT. Với HDQATT, đề tài này lại chiếm một vị trí thứ yếu. Đây cũng là một hiện tượng khó lý giải. Phải chăng “nguyên nhân chủ yếu là do Hồng Đức quốc âm thi tập có nhiều người sáng tác nhưng đề tài, chủ đề xướng họa lại được quy định bởi một người – Tao Đàn nguyên súy Lê Thánh Tông? Một khi người chủ xướng không nêu đề tài thì người họa cũng không có thơ về đề tài đó” [1; tr. 95]. Hay nữa, còn do cảm thức về thể thái nhân tình trong những điều kiện xã hội cụ thể giữa Nguyễn Trãi và các văn nhân Hồng Đức là khác nhau? Sống trong một thời đại thanh bình, thịnh trị, ở đó trật tự xã hội được ổn định, mối quan hệ giữa người với người nhìn chung là tin tưởng, tốt đẹp, các phạm trù mỹ đức của Nho giáo được duy trì và phát triển như thời Lê Thánh Tông nửa sau thế kỷ XV thì cảm xúc chung của các văn nhân Hồng Đức trong HDQATT chủ yếu thiên về ngợi ca, tán tụng... Còn Nguyễn Trãi viết QATT khi ông đã về trí sĩ ở Côn Sơn, và tập thơ là những uẩn ức, bi kịch của con người cá nhân Úc Trai trước thế sự, cuộc đời sau ngày bình Ngô thắng lợi, là “sự lựa chọn day dứt giữa các tư tưởng, các con đường *lập thân, dưỡng thân, và bảo thân*” [5; tr. 152] của một nhà nho có lý tưởng và nhân cách. Vì thế, phải chăng Nguyễn Trãi đã viết nhiều về triết lý về nhân sinh để cảnh tỉnh người đời khi thế tình đen bạc; giáo huấn, răn giới về đạo lý để làm “ *gương báu răn mình*” khi lẽ

đời, tình người đã có những xáo trộn, đổi thay?

## 2.2. Nội dung triết lý, giáo huấn

### 2.2.1. Tư tưởng Nho giáo trong nội dung triết lý, giáo huấn

Thế kỷ XV là thế kỷ độc tôn của Nho giáo. Nó làm thành hệ tư tưởng thời đại, chi phối và tác động đến mọi mối quan hệ trong đời sống xã hội, trong đó có mối quan hệ giữa con người với con người. Các thế hệ kẻ sĩ – văn nhân thời ấy, tiêu biểu là Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông và các văn thần Hồng Đức đã lựa chọn những yếu tố tích cực của hệ tư tưởng Nho giáo để tổ chức, quản lý xã hội và sáng tác văn chương. Vì thế, đề tài triết lý, giáo huấn theo các phạm trù mỹ đức của Nho giáo xuất hiện trong TNĐL thế kỷ XV có cội gốc từ hệ tư tưởng của xã hội và thời đại.

Trong QATT và HDQATT, tư tưởng Nho giáo được thể hiện qua các khái niệm định tính như: *tam cương, ngũ thường, ngũ luân, thiên mệnh, trung dung, dĩ hòa vi quý, an bản lạc đạo...*, trong đó, *tam cương, ngũ thường* rất được đề cao, bởi nó là phần cơ bản, là “*hạt nhân*” của đạo Nho về mặt nhân sinh, xã hội: QATT có 10 bài /21 bài có nội dung Nho giáo, HDQATT có 5 bài/9 bài. Đặc biệt ở HDQATT có những bài thơ riêng đề răn giới về “*Đạo làm người*” (*Vi nhân tử*), đạo làm tôi (*Quân thân*), đạo làm con (*Tử đạo*), tình anh em (*Huynh đệ*), v.v... Chẳng hạn, về “*Đạo làm người*”:

*Trời phó tính, ở thân ta,  
Đạo cả cương thường năm lẫn ba.  
Tôi gìn ngay phù rập chúa,*

*Con lấy thảo kính thờ cha.  
Anh em chớ lời hơn thiệt,  
Bầu bạn ở nét thực thà.  
Nghĩa đạo vợ chồng xem rất trọng,  
Làm giàu phong hóa phép chung  
nhà.<sup>1</sup>*

(HĐQATT – *Vi nhân tử*)

Bài thơ là sự “tổng quát” về đạo cương thường theo quan niệm của Nho giáo, lấy nó là tiêu chuẩn để đánh giá, luận bình về phẩm chất của kẻ sĩ quân tử, về đạo làm người. Rõ ràng, các yếu tố tích cực của tư tưởng Nho giáo ở đây đã được phát huy, và vì vậy nó có tác dụng giáo hóa con người, tiến tới bình ổn xã hội. Tư tưởng “đức trị”, “lễ trị” theo quan điểm tổ chức và quản lý của nhà nước phong kiến thời Hậu Lê cũng được thể hiện khá rõ qua bài thơ. Đúng hơn, Nho giáo thời Lê Thánh Tông đã có độ “khúc xạ” để phù hợp với hoàn cảnh thực tế của cuộc sống, xã hội và con người Việt Nam lúc bấy giờ: “Nho giáo của Lê Thánh Tông là sự vận dụng Tống Nho vào thực tế xã hội Việt Nam trên tinh thần dân tộc và sáng tạo, có thể coi đó là thứ Nho giáo Việt Nam đời Lê Thánh Tông” [4; tr. 18].

Hoặc như về đạo vua tôi, các tác gia Hồng Đức viết:

*Năm đấng lễ hằng vẹn trước sau,  
Vua tôi đạo cả ở trên đầu..  
Thuần nấy Cao, Quý vua đức hợp,  
Thang dùng Y, Hủy lấy nhân đầu.*

(HĐQATT – *Quân thân*)

Một trong những đặc điểm của thi pháp thơ ca trung đại là xu hướng phục cổ, viện dẫn những gương sáng trong sử sách về hình ảnh của tiền nhân trong quá khứ là để răn giới, khích lệ và cổ vũ cho

đạo lý của bậc quân thần, cho phép ứng xử của con người hiện tại qua các mối quan hệ. Cụ thể ở đây là, vua lấy được “nhân thân”, có “đức hợp” là nhờ những bày tôi hiền. Sự phân định “ngôi cao thấp” và nghĩa vụ của bề tôi là thể theo lòng trời đất; yêu nước thương dân, vì dân vì nước mà lo âu... là trách nhiệm của mình quân hiền thần.

Cũng trong xu hướng “viện cổ đặng chứng kim” của văn chương nhà Nho, khi răn giới về “Đạo làm con” (HĐQATT - *Tử đạo*), các tác gia Hồng Đức viết:

*Bú móm dễ quên ơn cúc dục,  
Viếng thăm từng chửa thuở thân  
hôn.*

*Kìa ai kẻ chỉ danh truyền để,  
Nọ kẻ dâng canh sự hầy còn.*

Theo nghĩa chú sớ trong thơ Lục Nga sách *Mao thi* thì “cúc” là nuôi dưỡng con bằng cơm cháo, “dục” là may vá cho con khi nóng lạnh. “Thần hôn” (sớm tối) là do câu: “Hôn định, thần tinh”: buổi tối thu xếp chỗ cho cha mẹ nghỉ, buổi sáng thăm hỏi cha mẹ có ngủ được yên giấc không? (*Lễ ký*). Còn “kế chỉ” là noi theo chỉ hướng của cha, như Vũ Vương nhà Chu noi theo chỉ hướng của Văn Vương, cổ nhân cho như thế mới là đại hiếu; “dâng canh” là tích nói về Đinh Khảo Thúc thời Xuân Thu được Trịnh Trang công cho ăn cơm. Trong món ăn có canh thịt. Khảo Thúc để dành không dám ăn. Trang Công hỏi, Khảo Thúc nói: “Mẹ tôi chỉ được ăn món ăn của tôi, chứ chưa bao giờ được ăn món canh của vua, nên tôi dành lại để đem về dâng mẹ”. Người bấy giờ cho Khảo Thúc là thuần hiếu” (*Xuân Thu ngữ truyện*) [1; tr. 110-111].

Các nhà nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng: đã là văn chương Nho giáo tất phải coi trọng mục đích giáo huấn, “lo lắng cho thể đạo, nhân tâm” (Trần Đình Hượu) và đòi hỏi con người phải sống có trách nhiệm, có tình nghĩa, tức nhấn mạnh đến thiên chức “văn dĩ tải đạo” – một quan niệm nghệ thuật đặc thù của văn chương nhà nho. Thơ Nôm của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông và các văn nhân Hồng Đức cũng không nằm ngoài quy luật của quan niệm nghệ thuật ấy. Cũng đã tồn tại nhiều khuyến cáo về những hạn chế và tác động tiêu cực của nội dung triết lý, giáo huấn theo quan niệm Nho giáo: “Hướng mãi vào Đạo, vào các bậc thánh vương xưa, văn học càng ngày càng khô cằn, không sáng tạo, không phát triển được” [3; tr. 33]. Thậm chí còn xem nó là một vật cản khi bào mòn cá tính và bản sắc riêng. Quả cũng không sai, nhưng mặt khác cũng cần phải thấy những ảnh hưởng tích cực của nội dung triết lý, giáo huấn trong thơ Nôm thế kỷ XV khi những tinh hoa Nho giáo được phát huy trong cảm xúc vịnh đề của các nhà thơ.

Chẳng hạn:

*Văn chương chép lấy đời câu thánh,  
Sự nghiệp tua gìn phải đạo trung.  
Trừ độc trừ tham, trừ bạo ngược,  
Có nhân có trí, có anh hùng.*

(QATT – Bảo kính cảnh giới. Bài 5)

Theo quan niệm của Nho giáo, người quân tử sợ nhất hai điều: là sợ mệnh trời và lời nói của thánh nhân. Vẫn là tư tưởng và quan niệm ấy, nhưng với Nguyễn Trãi, ông đã biết chắt lọc và phát huy cái phần tinh túy của đạo Khổng và

quan niệm về người “anh hùng” theo hướng tích cực và dân tộc khi đề cao *nhân, nghĩa, trí, tín* gắn với hành động “Trừ độc trừ tham, trừ bạo ngược” để yên dân.

Hoặc đề cao việc học, tức là phát huy yếu tố tích cực của Nho giáo:

*Tích đức cho con hơn tích của,  
Đua lành cùng thế mưa đua khôn.  
Một niềm trung hiếu làm miều cả,  
Hai quyển thi thơ ấy báu chôn.*

(QATT – Tự thán. Bài 4)

Các tác gia Hồng Đức cũng vậy:

*Dạy: chớ quên nghề cử tử,  
Răn: mưa tới cửa quyền môn.  
Thế khoa đời có năng phen kịp,  
Ngõ phi lòng mừng thuở mặt còn.*

(HQATT – Ái tử)

Trọng Nho học cũng có nghĩa là trọng sự học, trọng hiền tài, bởi “hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu rồi xuống thấp. Kẻ sĩ có quan hệ trọng đại với quốc gia như thế, cho nên quý chuộng kẻ sĩ, người có học không biết thế nào là cùng” [7]. Vì thế, các tác gia Hồng Đức trong bài *Huỳnh đệ* còn dẫn điển “cảnh đan quế” để cổ súy cho sự học:

*Thơ thơ dòng Đậu cảnh đan quế,  
Đầm ấm sân Điền khóm tử kinh.*

(HQATT – Huỳnh đệ)

Theo lời chú của sách *Hồng Đức quốc âm thi tập*, thời Ngũ đại, Đậu Vũ Quân người đất Ngự Dương có năm người con là Nghi, Nghiễm, Khản, Xứng và Huy đều kế tiếp nhau thi đỗ làm quan. Phùng Đạo nhà Tống mừng câu thơ rằng: “Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ

chi phương”, nghĩa là: Một cây thông già, năm cành quế thơm. [5; tr. 108]. Đây cũng là một trong những đóng góp tích cực của hệ tư tưởng Nho giáo ở đề tài triết lý, răn giới trong thơ Nôm thế kỷ XV.

### 2.2.2. Tinh thần dân tộc và đạo lý nhân dân trong đề tài triết lý, giáo huấn

Như đã nói ở trên, hội tụ ở đề tài, chủ đề triết lý nhân sinh, răn dạy đạo lý trong TNĐL thế kỷ XV là những biểu hiện tích cực của tư tưởng Nho giáo, những giá trị tinh thần của dân tộc, những tinh hoa của thời đại. Vì thế, bên cạnh xu hướng hướng tới những phạm trù mỹ đức của đạo Nho, đề tài này còn thể hiện xu hướng trở về với những truyền thống đạo lý dân tộc, góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách con người Việt Nam. Đây là những đóng góp không nhỏ của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông và các văn nhân Hồng Đức vào tiến trình TNĐL theo xu hướng dân tộc hóa thể loại.

Chẳng hạn, Nguyễn Trãi viết:

*Đồng bào cốt nhục nghĩa càng bền,  
Cành Bắc, cành Nam một cội nên.*

(QATT – Bảo kính cảnh giới. Bài 4)

Ý thức về cội nguồn giữa những con người “cùng một bọc” trong câu thơ của Úc Trai rất gần với câu ca dao: “Bầu ơi thương lấy bí cùng – Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” để nhắc nhở và giáo dục về tình thương yêu đoàn kết – một trong những nét đạo lý truyền thống của cộng đồng người Việt cùng sinh sôi, tồn tại bao đời nay trên mảnh đất này. Hoặc khi *Dạy con trai*, Nguyễn Trãi cũng đã lấy những bài học vốn có

trong dân gian về đức cần, đức kiệm để khuyên nhủ một cách ân tình:

*Áo mặc miễn cho cất ảm,  
Cơm ăn chẳng lọ kén mùi ngon.  
Xua đà có câu truyền bảo,  
Làm biếng hay ăn lỗ non.*

(QATT – Dạy con trai)

Với các tác Hồng Đức cũng vậy, mặc dù âm hưởng chung của HQATT là tán tụng, ngợi ca vương triều, minh quân và cuộc sống thanh bình, thịnh trị, nhưng trong nhiều trường hợp, cảm xúc thơ của các nhà thơ đã vượt ra ngoài những thuyết lý giáo điều của Nho giáo, hướng về đạo lý truyền thống của dân tộc, của nhân dân.

Chẳng hạn, trong bài *Dạy con*, các tác gia đã viết:

*Lỗ kiến nên sông bởi kiến đùn,  
Chùa dần dần mới biết hầu khôn.  
Ngày ngày gọi tắm như đầu bèn,  
Tháng tháng dùi mài đá ắt mòn.*

(HQATT – Giáo tử)

Rõ ràng, nhưng tinh hoa ngàn đời của dân tộc về đức tính kiên trì, nhẫn nại, về tinh thần vượt khó để có được những thành công: “Có công mài sắt có ngày nên kim”... đã được chuyển hóa thành lời răn giới thật gần gũi mà chân tình của các tác gia Hồng Đức.

Hoặc khi răn giới về tình anh em, các tác gia đã viết:

*Cùng lòng ruột mẹ sinh ra,  
Anh mực yêu em, em kính anh.*

(HQATT – Huynh đệ)

Rất gần với câu thơ của Nguyễn Trãi:

*Chân tay dẫu đứt bề khôn nói,  
Sống áo chẳng còn mô dễ xin.*

(HQATT – *Bảo kính cảnh giới*. Bài 15)

Các câu thơ trên rất gần với câu ca dao: “Anh em như thể chân tay...” để khẳng định mối quan hệ huyết thống, không thể chia cắt, tách rời của tình anh em, huynh đệ trong cộng đồng người Việt. Đây cũng là một thể mạnh, một nội dung mang tính khu biệt giữa Đường luật Nôm với Đường luật Hán. Cho nên, dù không thể phủ nhận Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông và các tác gia Hồng Đức đều là môn đồ của Khổng Mạnh, vì thế, những lời răn giới, triết lý trong nhiều trường hợp nhằm tô đậm đạo Nho để khẳng định vai trò quốc giáo. Nhưng cũng không thể không thừa nhận, trong nhiều trường hợp, với tư cách là trí thức dân tộc, các nhà thơ đã cố gắng hướng nội dung và mục đích giáo huấn vào việc hoàn thiện nhân cách con người theo tinh thần dân tộc. Vì thế, ngay ở cả các thể tài của văn chương nhà Nho, xu hướng dân tộc hóa trong cảm hứng vịnh đề của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông và các tác gia Hồng Đức là khá rõ: “Lê Thánh Tông là ông vua không chỉ biết kế thừa truyền thống văn trị của tổ tiên mà đặc biệt còn biết kết hợp khá độc đáo quan niệm thẩm mỹ Nho giáo với niềm tự hào dân tộc (...) Ở thế kỷ XV đang có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố Nho giáo tích cực và tinh thần dân tộc dân chủ về mặt văn hóa” [4; tr. 408].

Khảo sát QATT và HQATT, đề tài triết lý, giáo huấn theo tư tưởng đạo lý dân tộc còn được thể hiện qua những chiêm nghiệm của các nhà thơ về thế sự, nhân tình theo quan niệm nhân sinh của nhân dân. Chẳng hạn, Nguyễn Trãi viết:

*Miệng thế nhọn hơn chông mác  
nhọn;*

*Lòng người quanh nũa nước non  
quanh.*

*Chẳng ngừa nhỏ âu nên lớn;*

*Nếu có sâu thì bỏ canh.*

(QATT – *Bảo kính cảnh giới*. Bài 9)

Các tác gia Hồng Đức cũng viết:

*Ấy khuôn hay mẹo thợ nào lừa?*

*Murop đáng khen ai đổi mạt cưa...*

*Ơ hở tiền chì mua vải nôi,*

*Nôi nào vung ấy khéo in vira.*

(HQATT – *Tuong phùng*)

Trước mắt người đọc là một chuỗi các hình tượng gắn liền với những triết lý nhân sinh đã được đúc kết qua thành ngữ, tục ngữ, ca dao như: “Bề sâu còn có kẻ dò – Lòng người nham hiểm ai đo cho cùng”, “Con sâu làm rầu nồi canh”, “Mạt cưa murop đáng”, “Nôi nào vung nấy”... Đó còn là sự chiêm nghiệm được đúc kết từ kinh nghiệm bản thân của một đời người từng trải trước sự biến động khôn lường của thế sự, nhân tình. Các nhà thơ như đang soi bóng mình trong những chiêm nghiệm của nhân dân, của chính mình để hướng tới khái quát các hiện tượng, những trạng thái phổ biến và bất biến của sự vật, hiện tượng trong hiện thực đời sống. Vì thế, qua những nội dung triết lý và giáo huấn ấy ta thấy được một phần của cuộc sống xã hội đương thời. Đây cũng là một trong những tiền đề quan trọng cho bước phát triển mới của TNĐL trong nội dung phản ánh ở các giai đoạn sau này trong việc giáo dục và bồi dưỡng nhân cách con người Việt Nam theo tinh thần của truyền thống đạo lý dân tộc.

### 3. Kết luận

Đề tài chủ đề triết lý nhân sinh, răn dạy đạo lý chiếm vị trí nổi bật trong TNĐL thế kỷ XV, đặc biệt là ở QATT của Nguyễn Trãi. Hội tụ ở đề tài này là những yếu tố tích cực thuộc phạm trù mỹ đức của hệ tư tưởng Nho giáo, của đạo lý truyền thống dân tộc, của tinh hoa thời đại và tình cảm của nhân dân.

Sự tách bạch đề tài giáo huấn, răn giới trong TNĐL thế kỷ XV theo tư

tưởng Nho giáo và đạo lý truyền thống dân tộc như đã trình bày ở trên chỉ mang ý nghĩa tương đối. Bởi, trong cảm xúc của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông và các văn nhân Hồng Đức trong nhiều bài thơ đã có sự hòa quyện và đồng hiện giữa các hệ tư tưởng và các phạm trù ý thức này, tạo ra sự đa dạng mà thống nhất trong nội dung phản ánh.

<sup>1</sup> Bài này trùng với bài *Cương thường tổng quát* trong *Bách Vân quốc ngữ thi tập* của Nguyễn Bình Khiêm.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Trọng Điềm, Bùi Văn Nguyên (1982), *Hồng Đức quốc âm thi tập*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Trần Văn Giáp, Phạm Trọng Điềm (1956), *Quốc âm thi tập*, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội.
3. Trần Đình Hượu (1999), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Nhiều tác giả (1997), *Lê Thánh Tông: Con người và sự nghiệp*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nhiều tác giả (1998), *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Lã Nhâm Thìn (1998), *Thơ Nôm Đường luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. *Văn bia Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất*, Thân Nhân Trung soạn, *Tuyển tập văn bia Hà Nội* (1978), Nxb KHXH, Hà Nội.